

Bản án số: 143 /2018/HS-ST
Ngày: 25-12-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Linh Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tiến Quý - Bí thư Huyện Đoàn huyện Đ;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Cán bộ hưu trí;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Mẫn - Kiểm sát viên;

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 154/2018/HSST ngày 04 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với:

1. Các bị cáo:

- Họ và tên: **Trương Long Q**, sinh ngày 24/10/1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn V, sinh năm 1963 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (sống); Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Long Q: Bà Nguyễn Thị Ta, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (có mặt)

- Họ và tên: **Phan Hải T**, sinh ngày 03/4/2000.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn P, sinh năm 1968 (sống) và bà Trần Ngọc M, sinh

năm 1979 (sống); Bản thân chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Hải T: Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (Có mặt)

- Họ và tên: Trương Chí B, sinh ngày 24/3/1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn N, sinh năm 1974 (sống) và bà Nguyễn Thị , sinh năm 1976 (sống); Bản thân chưa có vợ con; Tiền án: không; Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại có mặt.

2. Bị hại: Ông Trần Văn T, sinh năm 1990. (có mặt)

Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1948; Địa chỉ: xã Đắc Ru, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông. (Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2018). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Minh N, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Anh Phan Văn Thỏ, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Chị Phan Ngọc T, sinh năm 1998. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp An H, xã An Ninh Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Người làm chứng:

- Chị Phan Hải P, sinh năm 1997. (Vắng mặt)

- Anh Trần Xuân Q1, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

- Anh Cao Thành N, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 30/4/2017, Trương Long Q, Trương Chí B, Phan Hải T, Phan Ngọc T (chị ruột T), Phan Nguyệt Ph và một số người bạn của T cùng nhau uống rượu tại nhà của T. Đến khoảng 02 giờ sáng cùng ngày, tại nhà T, T nói chuyện và cự cãi qua điện thoại di động với anh Trần Văn T (không xác định rõ cuộc nói chuyện). Sau đó, T nói lại cho Q và B nghe, T1 là anh của Q1 điện thoại chửi chị T, kêu chị T xuống nhà nói chuyện nên chị T và Phụng vừa chạy xe mô tô đến nhà

của Quang. Khi nói, T có rủ Q, B cùng đi tìm T để có gì bên vực T thì Q và B đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô loại Wave của Thỏ chở Q và B đi đến nhà của T1. Lúc đi, T cầm theo một con dao tự chế dài 73 cm, cán bằng ống tiếp màu trắng; B cầm theo một con dao phai dài 38 cm, cán dao bằng gỗ hình tròn, đầu dao nhọn; Q cầm theo một cái rựa dài bằng sắt dài 31 cm, rộng 06 cm, đầu rựa vuông, lưỡi sắc bén.

Khi đến nhà T1, T, Q, B thấy chị T đang nói chuyện cự cãi lớn tiếng với Trần Văn T trước hành lang nhà. Q liền cầm rựa trên tay phải chạy đến chém vào T1 02 cái theo hướng từ trên xuống, trúng vào đầu và trúng vào mắt cá chân trái của T1. Lúc này, anh Nguyễn Minh N có ném một cái tô vào hướng T đang đứng nên T cầm dao tự chế chạy đến chém 01 cái trúng vào vai trái của anh N. Riêng B cầm dao phai đứng trước sân nhà T1 rồi chạy về hướng anh N định hỗ trợ T nhưng không chém ai.

Sau khi gây thương tích cho T1, N xong, Q, T, B cầm hung khí chạy ra ngoài đường lộ và T lấy xe mô tô chở Q, B đi về. Trên đường đi, T, Q và B vứt bỏ hung khí ở lề đường. Riêng T1 sau khi bị Q chém được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực Hậu N, huyện Đ, tỉnh Long An.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 127 ngày 14/6/2017 của Trung T1 pháp y, Sở y tế tỉnh Long An kết luận tỷ lệ thương tích của Trần Văn T như sau: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương vùng trán (trong chân tóc), kích thước 05cm x 0,3cm, sẹo lành, không dấu lõm sọ, không dấu thần kinh khu trú; Sẹo vết thương mắt cá ngoài chân trái, kích thước 03cm x 0,2cm, sẹo lành, chức năng cổ chân trái không hạn chế, bàn chân không biến dạng, không ảnh hưởng đi đứng; X.quang: Gãy xương mắt cá ngoài chân trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 09%.

Tại bản cáo trạng số 129/CT-VKSĐH ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có đề nghị áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 để xem xét hành vi của các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B theo tội danh, điều luật tương ứng tại Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B gây ra; căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Phan Hải T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Hải T từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trương Long Q phạm tội “Cố gây thương tích”. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Long Q từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trương Chí B phạm tội “Cố gây thương tích”. Đề nghị xử phạt bị cáo Trương Chí B từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn H đại diện bị hại Trần Văn T yêu cầu bị cáo Q bồi thường chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn là 2.000.000đồng; tiền mất thu nhập trong quá trình điều trị với số tiền 8.000.000đồng. Tổng cộng bị hại Trần Văn T yêu cầu bồi thường 10.000.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo B tự nguyện bồi thường 5.000.000đồng để cùng bị cáo Q bồi thường 10.000.000đồng được bị hại T1 đồng ý. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 590 BLDS năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B.

Về tang vật: 01 cây rựa dài 66 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 35 cm, lưỡi rựa bằng sắt dài 31 cm, rộng 06 cm, đầu rựa vuông, lưỡi rựa sắc bén; 01 con dao phai, dài 38 cm, cán dao bằng gỗ hình tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng sắt dài 26 cm, nơi rộng nhất 05 cm, mũi dao nhọn; 01 con dao tự chế dài 73 cm, cán dao bằng ống tuýt màu trắng, tròn, dài 50 cm, lưỡi dao dài 23 cm, nơi rộng nhất của dao dài 05 cm, mũi dao nhọn; 01 thanh sắt màu trắng dài 65 cm, đường kính 03 cm là công cụ bị cáo thực hiện tội phạm nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đánh giá về tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Đối với các ông, bà: Nguyễn Minh N, Phan Văn T, Phan Hải Ph, Trần Xuân Q, Cao Thành N, Trần Văn C là những người có quyền lợi, N vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 BLTTHS năm 2015.

[2].Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[2.1]. Hành vi khách quan của các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B đã thực hiện: Xuất phát từ việc muốn bênh vực chị T khi nghe T nói T1 chửi chị T qua điện thoại nên các bị cáo T,Q, B đã mang theo hung khí đến nhà anh T1. Khi đến nhà T1, Q cầm rựa trên tay phải chém vào T1 hai cái theo hướng từ trên xuống, trúng vào đầu và trúng vào mắt cá chân trái của T1. Bị cáo T cầm dao tự chế chém 01 cái trúng vào vai trái của anh Nguyễn Minh N. Hậu quả làm anh T1 bị thương tích 09%, anh N bị thương tích nhẹ nên không yêu cầu giám định.

Qua thẩm vấn, nhận dạng trực tiếp và tranh luận công khai tại phiên tòa. Đối chiếu lời trình bày của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B tại phiên tòa với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác thì Hội đồng xét xử thấy lời khai nhận của các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B trước tòa phù hợp với lời khai của người bị hại Trần Văn T, khớp với lời trình bày của những người có quyền lợi N vụ liên quan và những người chứng kiến về thời gian, địa điểm gây án; Đối chiếu Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường, bản ảnh nhận dạng là phù hợp với Bản kết luận giám định, khớp với tang vật đã thu giữ và phù hợp thương tích trên người anh T1, phù hợp với các chứng cứ khách quan thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2]. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B vì muốn bênh vực chị T khi nghe T nói T1 chửi chị T qua điện thoại nên các bị cáo T,Q, B cùng thống nhất đến nhà anh T1 để bênh vực T. Tại nhà anh T1, Q là người trực tiếp dùng rựa chém anh T1 hai cái trúng vào đầu và trúng vào mắt cá chân trái của anh T1 gây thương tích 09%. Hành vi của bị cáo Q tuy không có mâu thuẫn gì với anh T1 nhưng dùng cây rựa (dài 66 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 35 cm, lưỡi rựa bằng sắt dài 31 cm, rộng 06 cm, đầu vuông, lưỡi sắc bén) là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích cho anh T1, hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

Đối với bị cáo Phan Hải T tuy không trực tiếp gây thương tích cho anh T1 nhưng bị cáo T là người đề xướng, rủ rê Q và B đi, T dùng xe mô tô chở Q và B đến nhà anh T1 và có mang theo hung khí, có tham gia chém anh N; Đối với bị cáo Trương Chí B khi đi theo bị cáo T và Q có cầm hung khí để giúp sức về tinh thần nên bị cáo T và B là đồng phạm với bị cáo Q trong hành vi gây thương tích cho anh Trần Văn T. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định cáo trạng của Viện kiểm

sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B với tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 để xét xử hành vi của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B theo tội danh, điều luật tương ứng tội “*Cố ý gây thương tích*” theo Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 là phù hợp nên ghi nhận.

Hành vi của các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sức khỏe của anh Trần Văn T. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo Q, T, B có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi trái pháp luật của các bị cáo cần xử lý nghiêm và cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết định khung: Hành vi của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác của Điều 134 BLHS năm 2015 nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015 là phù hợp.

- Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B không bị áp dụng tình tiết tăng nặng khác theo Q định tại Điều 52 BLHS năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Trương Long Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại T1; khi thực hiện tội phạm bị cáo là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức và điều khiển hành vi còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nên có xem xét chính sách dành cho người chưa thành niên phạm tội, giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Phan Hải T, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khi thực hiện tội phạm là người chưa thành niên nên khả năng nhận thức và điều khiển hành vi còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015 nên có xem xét chính sách dành cho người chưa thành niên phạm tội, giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Trương Chí B có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hiện là sinh viên còn đi học, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Nên HĐXX thấy

đối với bị cáo B có vai trò là đồng phạm giúp sức về tinh thần, nhất thời phạm tội và có nơi cư trú rõ ràng nên cần xem xét mức án tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:.

Ông Nguyễn Văn Hậu đại diện bị hại Trần Văn T yêu cầu bị cáo Q bồi thường chi phí điều trị thương tích theo hóa đơn là 2.000.000đồng; tiền mất thu nhập trong quá trình điều trị với số tiền 8.000.000đồng. Tổng yêu cầu bồi thường là 10.000.000đồng.

Xét tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo B tự nguyện cùng bị cáo Q bồi thường 5.000.000đồng để bồi thường số tiền 10.000.000đồng cho bị hại T1. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 590 BLDS năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng ghi nhận sự tự nguyện bồi thường 10.000.000đồng của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B cho bị hại Trần Văn T.

Đối với số tiền bị cáo Trương Long Q đã tự nguyện nộp 2.000.000đồng, số tiền 2.000.000đồng này cần trả cho anh T1 theo biên lai số 0003880 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Cần buộc bà Nguyễn Thị Ta đại diện hợp pháp cho bị cáo Q nộp tiếp 3.000.000đồng để bồi thường cho anh Trần Văn T.

Đối với bị cáo Phan Hải T có tự nguyện cùng bị cáo Q liên đới bồi thường cho anh T1 2.500.000đồng. Cần buộc bà Trần Ngọc Minh đại diện hợp pháp cho bị cáo T nộp 2.500.000đồng để bồi thường cho anh Trần Văn T.

Đối với bị cáo Trương Chí B có tự nguyện cùng bị cáo Q liên đới bồi thường cho anh T1 2.500.000đồng. Cần buộc bị cáo B nộp 2.500.000đồng để bồi thường cho anh Trần Văn T.

[5]. Về tang vật: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Đối với 01 cái rựa dài 66 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 35 cm, lưỡi rựa bằng sắt dài 31 cm, rộng 06 cm, đầu rựa vuông, lưỡi rựa sắc bén; 01 con dao phai, dài 38 cm, cán dao bằng gỗ hình tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng sắt dài 26 cm, nơi rộng nhất 05 cm, mũi dao nhọn; 01 con dao tự chế dài 73 cm, cán dao bằng ống tuýt màu trắng, tròn, dài 50 cm, lưỡi dao dài 23 cm, nơi rộng nhất của dao dài 05 cm, mũi dao nhọn; 01 thanh sắt màu trắng dài 65 cm, đường kính 03 cm là công cụ dùng thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Nguyễn Minh N là người bị bị cáo Phan Hải T gây thương tích nhưng quá trình điều tra anh N từ chối giám định tỷ lệ thương tật và không yêu cầu xử lý nên cơ quan điều tra không xử ký hành vi của bị cáo Phan Hải T gây thương tích cho anh N là phù hợp.

Đối với anh Phan Văn Th là người đứng tên xe mô tô Wave biển số 62PL-561.00 cho các bị cáo T, Q, B mượn. Tuy nhiên, anh Th không biết các bị cáo dùng xe mô tô này dùng làm phương tiện đến nhà anh T1 thực hiện tội phạm nên cơ quan điều tra không xử lý đối với xe mô tô anh Th là phù hợp.

Đối với chị Phan Ngọc T là người có mặt tại hiện trường tại nhà anh T1 và mâu thuẫn của chị T là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho anh T1. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định chị T khi đến nhà bị hại T1 thì chị T không thông báo, không lôi kéo hay rủ rê mà các bị cáo tự bộc phát đến nhà anh T1 và thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý hành vi của chị T với vai trò đồng phạm là phù hợp.

[6]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Buộc các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B phải chịu án phí HSST và bị cáQ phải chịu án phí DSST sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 BLHS năm 2015. Tuyên bố bị cáo Trương Long Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Xử phạt bị cáo Trương Long Q **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101. Tuyên bố bị cáo Phan Hải T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Xử phạt bị cáo Phan Hải T **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Chí B **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trương Chí B về UBND xã An Ninh Đông, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Trương Chí B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm N vụ trong thời gian thử thách: “Trong thời gian thử thách, bị cáo Trương Chí B được cho hưởng án treo nhưng cố ý vi phạm N vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Chí B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 590 BLDS năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Phan Hải T, Trương Long Q, Trương Chí B bồi thường 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho bị hại Trần Văn T.

Buộc bị cáo Trương Long Q bồi thường cho anh Trần Văn T 5.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị Talà người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trương Long Q phải nộp 3.000.000đồng để bồi thường cho anh Trần Văn T.

Anh Trần Văn T được nhận số tiền 2.000.000đồng do bị cáo Trương Long Q tự nguyện nộp theo biên lai số 0003880 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An.

Buộc bị cáo Phan Hải T bồi thường cho anhTrần Văn T 2.500.000đồng. Bà Trần Ngọc M là người đại diện hợp pháp cho bị cáo T phải nộp 2.500.000đồng để bồi thường cho anhTrần Văn T.

Buộc bị cáo Trương Chí B bồi thường cho anh Trần Văn T 2.500.000đồng.

3. Về tang vật: Áp dụng khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 cây rựa dài 66 cm, cán bằng gỗ tròn, dài 35 cm, lưỡi rựa bằng sắt dài 31 cm, rộng 06 cm, đầu rựa vuông, lưỡi rựa sắc bén; 01 con dao phai, dài 38 cm, cán dao bằng gỗ hình tròn dài 12 cm, lưỡi dao bằng sắt dài 26 cm, nơi rộng nhất 05 cm, mũi dao nhọn; 01 con dao tự chế dài 73 cm, cán dao bằng ống tuýt màu trắng, tròn, dài 50 cm, lưỡi dao dài 23 cm, nơi rộng nhất của dao dài 05 cm, mũi dao nhọn; 01 thanh sắt màu trắng dài 65 cm, đường kính 03 cm.

(Tang vật trên hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2017).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015.

- Buộc các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B mỗi bị cáo nộp 200.000đồng án phí HSST sung vào công quỹ nhà nước.

- Buộc các bị cáo Trương Long Q, Phan Hải T, Trương Chí B mỗi bị cáo phải nộp 300.000đồng án phí DSST sung công quỹ nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Những người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Linh Duy

Hội Thẩm Nhân Dân

Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Chí Lin – Trương Thị Kim Tiến

Nguyễn Khắc Linh Duy

